

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/ HNGĐ- ST

Ngày 15/10/2019

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Mùi
2. Ông Dương Văn Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mạc Thị H, sinh năm 1980

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1980

Đều có địa chỉ: Khu dân cư V, phường C, thành phố C, tỉnh H.

Chị H, anh C đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị H và anh C kết hôn ngày 28 tháng 6 năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh H. Khi đó, chị H, anh C cùng 20 tuổi và

đều làm ruộng ở C, H. Anh chị có thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà chị H. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong việc sinh hoạt hằng ngày, thêm vào nữa kinh tế gia đình khó khăn nên hay xảy ra tranh cãi. Sau một lần vợ chồng cãi cọ, anh C đã uống thuốc sâu tự tử nhưng được gia đình cứu chữa. Do chán nản tình cảnh vợ chồng nên đến năm 2017, chị H đã bỏ xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian chị H ở Đài Loan, chị H có gọi điện về nhưng chủ yếu nói chuyện với con. Vợ chồng cứ nói chuyện là xảy ra cãi cọ, tranh luận nhau về việc tiền nong. Anh C cho rằng chị H đi làm ở nước ngoài, không gửi tiền về mà mang tiền cho người đàn ông khác. Trong khi đó, chị H còn phải gửi tiền để trả nợ khoản tiền đi xuất khẩu lao động. Vì thế, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến tháng 3 năm 2019, chị H hết hạn hợp đồng về nước, có về chung sống cùng anh C tại C nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, có lúc còn xô xát. Chị H xác định vợ chồng chung sống một nhà ăn chung, ngủ riêng, không quan tâm gì đến nhau từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Theo anh C, kể từ khi chị H về nước, có về chung sống cùng với anh, anh có bắt gặp chị H nhắn tin cho người đàn ông khác nên anh có nhắc nhở nhưng chị H không thay đổi mà còn có thái độ coi thường, thách thức anh. Chị H đi đâu, làm gì cũng không thông báo cho anh. Chị H thường đi vui chơi cùng bạn bè đến muộn mới về hay chị H lại lấy cớ đi buôn bán chớ vài ngày rồi mới về nhà. Khi về nhà, chị H chỉ nằm xem điện thoại, không quan tâm gì đến gia đình, chồng con. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin ly hôn anh C. Anh C muốn vợ chồng đoàn tụ và vợ chồng cứ sống ly thân nhưng không ly hôn để vì con cái. Nếu chị H kiên quyết xin ly hôn, bản thân anh cũng không còn biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng nên cũng phải chấp nhận.

Về con chung: Chị H và anh C có hai con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 16/4/2001 và Nguyễn Chiến T, sinh ngày 07/8/2011. Khi vợ chồng ly hôn, đối với cháu N đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H và anh C đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Nếu chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung với chị, anh C có yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh là 1.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Về tài sản: Chị H và anh C xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà cấp bốn, xây gạch ba banh trên đất của mẹ đẻ chị H. Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Qua xác minh với gia đình chị H, trưởng khu dân cư V thể hiện: Trong quá trình chung sống, chị H và anh C có phát sinh nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt hằng ngày. Vợ chồng không tin tưởng ở nhau cả tình cảm lẫn kinh tế. Thời gian chị H đi nước ngoài, cháu T ở cùng anh C, anh C chăm sóc và quan tâm cháu C. Việc chị H xin ly hôn anh C và việc giao cháu T cho ai trực tiếp nuôi dưỡng đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị Hoa giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, anh C đồng ý ly hôn chị H. Về con chung: Chị H và anh C cùng đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu N mà tùy cháu muốn ở với ai thì ở. Đối với việc trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh chị đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn C. Về quan hệ con chung: Con chung của anh chị là Nguyễn Thị N sinh ngày 16/4/2001, hiện đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh, bình thường nên không đặt ra xem xét. Giao cháu Nguyễn Chiến T sinh ngày 07/8/2011 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Mạc Thị H khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn đối với anh Nguyễn Văn C có địa chỉ cư trú tại phường C, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị H và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có thời gian sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn vì lý do kinh tế và sinh hoạt hằng ngày. Mâu thuẫn vợ chồng vẫn chưa được cải thiện thì đến năm 2017, chị H đi xuất khẩu lao động, vợ chồng hầu như không liên lạc, chia sẻ gì với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng ngày càng trầm trọng hơn. Đến tháng 3 năm 2019, chị H về nước thì anh C có nghi ngờ, ghen tuông nên vợ chồng có xảy ra chửi bới, mâu thuẫn, có lúc xô xát đánh nhau và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Xét quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã ở vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là một giải pháp tích cực để giải phóng cho hai anh chị cũng như các thành viên khác trong gia đình khỏi cảnh bất bình thường, bảo đảm lợi ích của vợ chồng anh chị, của gia đình và của xã hội. Ban đầu, anh C không đồng ý ly hôn chị H nhưng anh cũng không còn biện pháp nào để níu kéo tình cảm vợ chồng nên anh nhất trí ly hôn chị H. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Con chung của anh chị là Nguyễn Thị N sinh ngày 16/4/2001, hiện đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh bình thường, khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Xét điều kiện về nuôi con của chị H và anh C thì thấy: Nguyên vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh chị đều chính đáng, phù hợp với trách nhiệm người làm cha, làm mẹ. Hiện tại, anh C làm nghề xây dựng thu nhập hàng tháng là 7.000.000đồng. Chị H làm nghề buôn bán chó, thu nhập hàng tháng là 4.000.000đồng. Kể từ khi chị H đi xuất khẩu lao động, cháu T ở cùng anh C, anh C đảm bảo cháu T ăn học, kết quả học tập của cháu tốt. Hàng năm, cháu T vẫn được học sinh tiên tiến, được đảm bảo ổn định tinh thần, vật chất cho cháu phát triển về mọi mặt. Hơn nữa, cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống cùng anh C nên việc giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng:

Anh C tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị H và anh C có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mạc Thị H:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Chiến T sinh ngày 07/8/2011 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Mạc Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001321 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND phường C, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương

